TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN BÌNH** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6-2017
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hoàng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Xuân Trường

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Kim Thao - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Yên Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình*** *tham gia phiên toà:* Ông Ngô Chí Cường - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2017 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 10/TB-TA ngày 24/5/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T – sinh năm 1992. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh L.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T – sinh năm 1991. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị Trần Thị T) trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến tháng 3/2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình

không hợp, anh T thường xuyên chơi bời không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã tự hòa giải và hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, anh T vẫn không sửa đổi. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã V, huyện B, tỉnh L sinh sống từ tháng 3/2013, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Trần Tuấn T, sinh ngày 03/11/2012, hiện nay cháu T đang ở với chị, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Trần Văn T không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Kết quả xác minh qua chính quyền địa phương và gia đình anh Trần Văn T cho thấy: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T kết hôn vào năm 2011, sau khi kết hôn chị T và anh T ở chung với mẹ chồng ở xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Đến đầu năm 2013, do mâu thuẫn chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn thôn T, xã V, huyện B, tỉnh L sinh sống và anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Anh T và chị T có 01 con chung là Trần Tuấn T, hiện chị T đang nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Trần Thị T và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Bn, tỉnh L ngày 15/12/2011, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, và đã sống ly thân. Thực tế tình trạng cuộc sống chung của chị T và anh T đã được gia đình anh T xác nhận. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt để hòa giải, thể hiện anh T không có thiện chí hòa giải. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T là chính đáng và có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Trần Tuấn T, sinh ngày 03/11/2012, hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của chị T là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với thực tế, mặt khác anh T không có thiện chí và không hợp tác, không có ý kiến về phần con chung nên cần giao cháu T cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, điều 57, điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Tuấn T, sinh ngày 03/11/2012 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại biên

lai số 05068 ngày 29/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình (Xác nhận chị Thành đã nộp đủ).

Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THA dân sự huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xãV, H. B, T. L;
- Lưu HS,TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hoàng Hải